

Số: /2026/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định cơ chế, chính sách và bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân
hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính
sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 374/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế bố trí vốn ngân
sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi
nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách và
bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi
thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách và bố trí vốn ngân sách địa
phương ủy thác để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh
Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 3;
khoản 5 và điểm a khoản 8 Điều 5 của Thông tư số 11/2017/TT-BTC quy định
về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng
Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách
khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC, cụ thể: Mức cho

vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay; xử lý nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; nguồn vốn thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Hộ gia đình cư trú hợp pháp tại các phường, đặc khu chưa có công trình nước sạch, công trình vệ sinh hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và chưa đảm bảo vệ sinh môi trường hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa.

c) Các đối tượng chính sách khác được quy định trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

1. Các đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với các đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định giảm lãi suất cho vay do thiên tai, dịch bệnh hoặc nguyên nhân khách quan khác thì lãi suất cho vay từ nguồn vốn địa phương theo quy định tại Nghị quyết này sẽ được hỗ trợ giảm tương ứng như mức giảm lãi suất cho vay theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Xử lý nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro của các đối tượng chính sách tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định, thuộc các nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội: Biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với các khoản nợ bị rủi ro của các đối tượng chính sách tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định, ngoài nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý nợ bị rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội: Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi, sử

dụng từ nguồn vốn đầu tư công được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hằng năm và nguồn vốn khác theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang trước khi Nghị quyết này ban hành được tiếp tục quản lý, sử dụng để cho vay, thu hồi nợ, quay vòng vốn theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 5 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường, đặc khu;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh An Giang;
- Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, nthmai.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhân